TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 36/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 18-02-2022.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.

2. Bà Trần Thị Đổi.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Thoa - là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa (toạ lạc tại Khu B, thị trấn Hậu Nghĩa) tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 785/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2021 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn B, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt).

Bị đơn: Bà Trần Kim T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 03/11/2021 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Văn B trình bày: Ông và bà Trần Kim T sống với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, về sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả, ông và bà T không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông và bà T sống ly thân từ tháng 6

năm 2021 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên ông xin ly hôn bà T, vì bận công việc nên ông xin vắng mặt tại các phiên xét xử của Tòa án.

Về con chung: Bùi Kim Chi, sinh năm 1995 (đã trưởng thành).

Tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Trần Kim T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến và không có ý kiến phản hồi về yêu cầu xin ly hôn của ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Bùi Văn B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Trần Kim T, bà T hiện có hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện Đức Hòa nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là Thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông B có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T đã được tống đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng bà T vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn B và bà Trần Kim T chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa ông B và bà T được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, ông B và bà T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông B xin ly hôn bà T, bà T không phản hồi ý kiến của ông B.

[3] Xét thấy ông B và bà T chung sống với nhau, phát sinh mâu thuẫn nhưng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết. Ông B và bà T không tự khắc phục được mâu thuẫn nên để mâu Thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, dẫn đến sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Từ khi sống ly thân tới nay, bà T cũng không tìm ra được biện pháp gì để vợ chồng được đoàn tụ, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử hôm nay, bà T cũng không đến, không có thiện chí để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Do đó, xét thấy hôn nhân giữa ông B và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc, nên ông B xin ly hôn với bà T là phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B đối với bà T.

Con chung: Bùi Kim Chi, sinh năm 1995 (đã trưởng thành).

[4] Tài sản chung: Ông B tự thỏa thuận với bà T, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Nợ chung: Ông B khai không có nên không xem xét. Đối với bà T không phản hồi ý kiến yêu cầu xin ly hôn của ông B nên không thể hiện có nợ chung. Nếu sau này có tranh chấp, sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Ông B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn B đối với bà Trần Kim T về việc "ly hôn".

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn B được ly hôn với bà Trần Kim T.

Việc nuôi con: Bùi Kim Chi, sinh năm 1995 (đã trưởng thành).

Tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Ông Bùi Văn B chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ nhà nước. Ông B được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai Mắng số 0009227 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-TAND tỉnh Long An;
- UBND xã A;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Quyên